

Nha Trang, ngày 17 tháng 11 năm 2023

Số: 37/2023/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 9 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 275/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Á**

Trụ sở: **D N, phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Đại diện theo ủy quyền: ông **Võ Văn X** (Giấy ủy quyền ngày 6/6/2023).

Địa chỉ: **A P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.**

Bị đơn: Ông **Bùi Đức K** và bà **Trần Thị Tú A** (Có mặt).

Địa chỉ: **Số G M, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông **Bùi Đức K**, bà **Trần Thị Tú A** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Á** tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/11/2023 là: **9.097.121.488 VND** (*Bằng chữ: Chín tỷ không trăm chín mươi bảy triệu một trăm hai mươi một nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng*). Trong đó: Nợ vay gốc 7,643,499,000 đồng, nợ lãi trong hạn 295,232,030 đồng, nợ lãi quá hạn 924,443,001 đồng, phạt chậm trả lãi 37,744,094 đồng; khoản nợ thế gốc 163,541,913 đồng, nợ lãi quá hạn 32,661,450 đồng và tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh kể từ ngày 10/11/2023 theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, theo các Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của **A1** mà hai bên đã ký kết. Thời gian thanh toán chậm nhất là ngày 09/02/2024.

2.2 Trong trường hợp ông **Bùi Đức K** và bà **Trần Thị Tú A** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn thì **Ngân hàng TMCP Á** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là:

- Nhà và đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CY 284273, số vào sổ cấp GCN: CS 01242 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K** cấp ngày 17/8/2020 cho ông **Bùi Đức K**, bà **Trần Thị Tú A** tại thửa đất số 491, tờ bản

đồ số 30, địa chỉ: số G (số C) M, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và Giấy phép xây dựng số 1580/GPXD-UBND ngày 23/9/2020 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho ông Bùi Đức K, bà Trần Thị Tú A.

- Căn hộ chung cư đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 814087, sổ vào sổ cấp GCN: CS 04113 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 08/7/2022 cho bà Trần Thị Tú A tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 41, địa chỉ: căn hộ C (tầng D) Khối B Chung cư B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Đối với căn hộ chung cư này Ông K và bà Tú A đều thừa nhận đây là tài sản chung của ông Bùi Đức K và bà Trần Thị Tú A.

2.3. Sau khi ông Bùi Đức K và bà Trần Thị Tú A thanh toán hết khoản nợ gốc và lãi theo các hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ thì Ngân hàng TMCP Á sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 814087, vào sổ cấp GCN số CS 04113; do Sở T cấp ngày 08/7/2022 cho bà Trần Thị Tú A và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 284273, vào sổ cấp GCN số CS 01242; do Sở T cấp ngày 17/8/2020 cho ông Bùi Đức K và bà Trần Thị Tú A và Giấy phép xây dựng số 1580/GPXD-UBND ngày 23/9/2020 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho ông Bùi Đức K, bà Trần Thị Tú A.

2.4 Về án phí: Ông Bùi Đức K và bà Trần Thị Tú A chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 58.548.560đ làm tròn 58.549.000đ (Năm mươi tám triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Ngân hàng TMCP Á được hoàn lại 58.085.000đ (Năm mươi tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011888 ngày 03/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

2.4 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Bùi Đức K và bà Trần Thị Tú A chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ. Ngân hàng TMCP Á đã tạm ứng. Do đó, ông K và bà A phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Á 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự TP.Nha Trang;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Hương